

KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM

LÊ MINH QUỐC

Tập 10

# CÁC NHÀ CHÍNH TRỊ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

# CÁC NHÀ CHÍNH TRỊ



KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM



LÊ MINH QUỐC

# CÁC NHÀ CHÍNH TRỊ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

HOAN NGHĨNH BẠN ĐỌC GÓP Ý PHÊ BÌNH  
NHÀ XUẤT BẢN TRẺ  
161b Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 9316211 - 8465595 - 8465596 - 9316289  
Fax: 84.8.8437450  
E-mail: [nxbtre@hcm.vnn.vn](mailto:nxbtre@hcm.vnn.vn)  
Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

## LỜI NÓI ĐẦU

“Nước lấy người làm gốc. Trong đó nhân phẩm có cao thấp không giống nhau. Trên có vua sửa sang chỉnh đốn việc nước, dưới có các sĩ phu: kẻ xuất người xử. Người hiền hay không có khác nhau, thì việc nước trị hay nước loạn do đó mà có khác... Nước Việt ta phong khí đã mở mang, khí tinh hoa đều hợp lại. Trong khoảng đó, các bậc minh quân kế tiếp nổi lên, danh khanh lương tá thường xuất hiện ra. Các danh tài tuần kiệt đời đời đều có, hoặc có người được ghi công vào đỉnh vạc, hoặc có người lập công với lưỡi búa cờ mao, có người nổi tiếng ở làng văn, có người tỏ khí tiết trong lúc ngặt nghèo, đều là những người có nhiều tài năng đáng chép, có công nghiệp danh vọng đáng khen mà trên dưới một nghìn năm xuất hiện đều đặn...”. *Khi soạn Các nhà chính trị Việt Nam - trong bộ KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM - bên tai chúng tôi vẫn còn nghe vọng lại lời dặn dò xác đáng của nhà bác học Phan Huy Chú.*

*Trong khuôn khổ có hạn của một tập sách chúng tôi xin được bắt đầu từ Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi. Khi đi sứ, ông đã ứng đáp thông minh, linh hoạt, sắc sảo khiến cả vua quan phương Bắc phải khâm phục; khi về làm dân, ông đã có nhiều việc làm ích Nước lợi Dân được đời sau ngưỡng mộ. Tiến sĩ Nguyễn Bá Lân - người đã viết phú Nôm Ngã ba Hạc phú, góp phần thúc đẩy sự phát triển của thể loại này trong tiến trình văn học Việt Nam. Suốt đời làm quan ông đã để lại tấm gương liêm khiết, cương trực, không cúi đầu trước bạo lực đi ngược lại quyền lợi của nhân dân, do đó, không phải ngẫu nhiên mà sau khi ông mất được tôn làm Thành hoàng. Ở thế kỷ XVIII, làm sao có thể quên được La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, người đã có quan niệm xuất - xử rạch ròi, có nhiều đóng góp trong nền giáo dục triều đại Tây Sơn. Rồi các nhân vật không chỉ lừng lẫy một thời, mà công đức của họ còn tạo*

dấu ấn ở thế hệ mai sau như nhà sử học, nhà chính trị Ngô Thì Sĩ, Trịnh Hoài Đức...

Một trong những nhân vật mà ta không thể quên là Tổng đốc Hoàng Diệu - người đã kiên quyết giữ thành Hà Nội trong trận đánh oanh liệt ngày 25/4/1882. Cho dù thất bại, phải chọn lấy cái chết để tỏ lòng trung hiếu với Dân với Nước, nhưng nói như Giáo sư sử học Đinh Xuân Lâm thì: “Chính cái chết oanh liệt của Hoàng Diệu đã có tác dụng thúc đẩy tức thời phong trào kháng chiến lên một bước, dẫn tới chiến thắng Cầu Giấy lần thứ 2 sau đó (19/5/1883), chỉ huy giặc Rivière đã phải đền tội”. Và cũng trong giai đoạn thăng trầm nhất của lịch sử nước nhà, chúng tôi còn đề cập đến Kỳ Đồng - một thần đồng nổi tiếng nhất Việt sử cận đại. Điều thú vị là nhân vật này đã đi vào tranh dân gian, đi vào trong tâm trí quần chúng với nhiều huyền thoại. Như chúng ta đã biết, dưới ngọn cờ chính nghĩa của anh hùng Đề Thám, nghĩa quân Yên Thế đã ròng rã đánh giặc hơn ba mươi năm trời. Trong lúc nguy khốn nhất, chính Kỳ Đồng là người đã lập đồn điền ở Chợ Kỳ với mục đích hỗ trợ vũ khí, lương thực cho Đề Thám. Lại có những người không trực tiếp xông pha hòn tên mũi đạn, nhưng đã thực hiện nhiều công trình văn hóa như nhân vật Trương Vĩnh Ký, người đã bày tỏ thái độ chính trị rạch ròi “Ở với họ mà không theo họ”. Đó cũng là cách lựa chọn của nhiều sĩ phu thời ấy.

Khi ngọn cờ Cần vương đã kết thúc vai trò trên vũ đài chính trị nước nhà, nhiều đảng cách mạng đã ra đời nhằm tìm một đường hướng mới trong công cuộc cứu nước. Chúng tôi đề cập đến danh nhân Tôn Đức Thắng, được đời sau tôn kính gọi “Bác Tôn” - người cộng sản Việt Nam đã dũng cảm kéo cờ đỏ ủng hộ cuộc cách mạng tháng Mười Nga vang dội toàn thế giới, chính Bác là người công nhân đã lập ra Công hội đỏ đầu tiên để rèn luyện, giáo dục giai cấp công nhân Việt Nam từ năm 1920. Đội ngũ của những người cộng sản đã góp phần tích cực trong công cuộc cứu nước, trong phạm vi tập sách này, chúng tôi còn đề cập đến nhà cách mạng Nguyễn Hữu Tiến - người đã có ý thức vẽ cờ của Tổ quốc; nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, bằng ý thức chính trị nhiệt thành, bằng tài năng lớn đã viết lịch sử dân tộc bằng âm nhạc, dâng qua đó đánh thức quần chúng ý thức và học tập tinh thần bất khuất của tiền

nhân; nhà thơ Bút Tre người đã tạo nên “trường phái” thơ Bút Tre và có ý thức làm thơ là nhằm phục vụ cho công tác chính trị. Ông cũng là người đã ghi lại câu nói của Bác Hồ đã nói với Đại đoàn Quân Tiên phong “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước” để sau này chúng ta ghi nhớ và học tập.

Ngoài ra, chúng tôi còn viết về những nhân vật văn võ song toàn như đại tướng Nguyễn Chí Thanh, trung tướng Nguyễn Bình, thiếu tướng Nguyễn Sơn... Không chỉ là những nhà quân sự đầy tài năng mà họ còn là những nhà chính trị lỗi lạc đã có nhiều cống hiến nhằm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn lịch sử khác nhau. Tất nhiên, chúng ta không thể không đề cập đến nhà chính trị, Tổng bí thư Lê Duẩn. Một trong những đóng góp quan trọng nhất của ông đối với lịch sử đấu tranh cách mạng Việt Nam là đã dự thảo Đề cương cách mạng miền Nam sau khi Hiệp định Genève được ký kết. Có thể khẳng định, bản Đề cương này đã có những đóng góp lớn cho sự ra đời của Nghị quyết 15 về đường lối cách mạng miền Nam - được của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) thông qua vào tháng 1/1959. Nhận thức này đã mở ra bước ngoặt cho cách mạng miền Nam phát triển từ thế giữ gìn lực lượng lên thế tiến công, đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng, tạo bước nhảy vọt, mà đỉnh cao là phong trào Đồng khởi năm 1960 và tiếp tục dẫn đến thắng lợi vĩ đại 30/4/1975 thống nhất đất nước.

Cứu nước, canh tân đất nước không là công việc của riêng ai. Có những người dù không đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng nếu có những đóng góp to lớn vì Dân vì Nước thì người đương thời và thế hệ sau cũng đều ghi nhớ. Chúng tôi đề cập đến nhà hùng biện, nhà tư tưởng, nhà hoạt động cách mạng Nguyễn An Ninh - dám từ bỏ cuộc sống vương giả để dấn thân vào con đường tù đầy đấu tranh cho quyền sống của người lao khổ. Nhà yêu nước Phan Thanh, là người chiến sĩ kiên cường chống lại thực dân Pháp bằng những hoạt động nghị trường có hiệu quả. Nhà cách mạng Phạm Tuấn Tài - một trong những người sáng lập Việt Nam Quốc Dân Đảng - sau này từ trong lao tù của thực dân, đế quốc đã đi đến với chủ nghĩa Mác - Lê Nin vì nhận ra đó là con đường tích cực nhất để giải phóng dân tộc. Đây là những nhân vật đã thể hiện rõ nét nhân cách mẫu mực của

*người cách mạng trong tù đầy, lúc hiên ngang bước lên máy chém. Khí phách anh dũng này còn khiến thế hệ sau đời đời ngưỡng mộ. Tên tuổi họ sống mãi cùng hồn thiêng sông núi. Tuy nhiên, do khuôn khổ tập sách có hạn nên chúng tôi sẽ tiếp tục đề cập đến các danh nhân khác trong những tập sau.*

*Nhân đây chúng tôi xin được nhắc lại, bộ sách KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM do nhà thơ Lê Minh Quốc thực hiện đã phát hành các tập: Danh nhân quân sự Việt Nam, Danh nhân khoa học Việt Nam, Các vị Tổ ngành nghề Việt Nam, Danh nhân Sư phạm Việt Nam, Danh nhân văn hóa Việt Nam, Nam, Các vị nữ danh nhân Việt Nam, Những nhà cải cách Việt Nam, Danh nhân cách mạng Việt Nam, Những người Việt Nam đi tiên phong, Những nhà chính trị Việt Nam và sẽ còn phát hành các tập tiếp theo, mời các bạn tìm đọc. Để bộ sách thật sự hữu ích cho bạn đọc - nhất là các bạn thanh thiếu niên- chúng tôi rất mong được sự chỉ giáo, giúp đỡ chân tình của các học giả uyên bác, của các nhà sử học và của các bạn đọc xa gần để tập sách ngày một hoàn hảo hơn. Trước hết xin bạn đọc ghi nhận ở đây sự biết ơn sâu xa của chúng tôi.*

**NHÀ XUẤT BẢN TRẺ**

## MẠC ĐĨNH CHI

*Chính là sen ở giếng vàng đầu non*

Vào thế kỷ thứ XIII tại làng Lũng Động, huyện Chí Linh (Hải Dương) có đôi vợ chồng ngoài bốn mươi xuân, nhưng vẫn chưa sinh con trai.

Họ đi cầu tự tại đền Chủ Đồng Tử ở Hưng Yên. Tối hôm đó, người vợ nằm ngủ mơ thấy một vật sáng quắc từ trên trời cao rơi xuống giữa nhà, rồi hóa thành một con hầu (khỉ) chạy vào trong lòng. Giật mình tỉnh dậy, người vợ đem chuyện này kể cho chồng, nghe xong, ông nói:

- Cứ như mộng này thì tất có tin mừng, có lẽ sẽ được quý tử.

Không rõ có phải vậy không mà năm 1272, người đàn bà đó sinh ra đứa con trai có tướng mạo xấu xí, lại sinh nhằm giờ, ngày, tháng thuộc Thân nên mọi người càng tin là hầu tinh giáng thế. Đó là những truyền thuyết dân gian truyền tụng về Mạc Đĩnh Chi, Trạng nguyên đời Trần. Nhưng có điều chắc chắn, Mạc Đĩnh Chi thuộc dòng dõi Mạc Hiến Tích - Trạng nguyên đời Lý. Ngay từ nhỏ, Mạc Đĩnh Chi đã bộc lộ tư chất thông minh hơn người. Cha ông mất khi ông mới lên 5 tuổi. Bấy giờ, có hoàng tử nhà Trần là Chiêu Quốc Công mở trường dạy học, ông được mẹ dẫn đến xin nhập học. Do tướng mạo xấu xí nên Mạc Đĩnh Chi thường bị bạn bè chê bai, trêu chọc, chỉ riêng thầy mới biết ông là người phi thường hơn thiên hạ. Thật vậy, ông học một biết mười, học đâu nhớ đấy, nổi tiếng là thần đồng. Do đó Chiêu Quốc Công đem lòng yêu mến, muốn nuôi ở luôn trong nhà cho ăn học để



Đền thờ Mạc Đĩnh Chi (1272-1346) tại Hải Dương

làm bạn đọc sách với các công tử. Nhưng Mạc Đĩnh Chi vốn có hiếu, học xong là ông xin phép thầy để về nhà giúp đỡ cho mẹ, chứ không chịu ở luôn tại trường.

Nhà nghèo, mẹ thường đi hái củi bán để lấy tiền nuôi Mạc Đĩnh Chi ăn học. Do đó, ông không yên lòng khi mẹ phải vất vả vì mình và nét buồn thường hiện trên mặt. Chiêu Quốc Công lấy làm lạ một hôm gắng hỏi thì ông thành thật thưa hết mọi chuyện với thầy. Cảm động vì cậu học trò nhỏ có hiếu và học giỏi, Chiêu Quốc Công cho đón cả mẹ con Mạc Đĩnh Chi về nuôi. Ngược lại từ khi ở nhà thầy, Mạc Đĩnh Chi cũng hết lòng thờ thầy, sớm khuya hầu hạ, chẳng khác gì con đối với cha.

Năm 1304, ông thi đậu Trạng nguyên, nhưng vua Trần Anh Tông thấy tướng mạo xấu xí nên không hài lòng và cũng không muốn cho đậu! Biết ý của vua, ông bèn dâng lên bài Ngọc tỉnh liên phú để tự ví mình như sen trong giếng ngọc:

*Giống quý ấy ta đây có sẵn  
Tay áo này ta chứa đã lâu*

*Phải đâu đào, lý thô màu  
Phải đâu mai, trúc dãi dầu tuyết sương  
Cũng không phải tăng phùng câu kỷ  
Cũng không là Lạc Thủy mẫu đàn  
Cũng không là cúc, là lan  
Chính là sen ở giếng vàng đầu non*

Bài phú với từng dòng như châu như ngọc, khiến vua xem xong phải ngợi khen không tiếc lời và cho ông đậu Trạng nguyên. Khi vua hỏi đến chuyện trị nước, ông đều đối đáp trôi chảy và được vua ban làm Hàn lâm Đại học sĩ, ít lâu sau lại thăng làm Đại liêu bang - đứng đầu bá quan.

Ông làm quan dưới ba đời vua Anh Tông, Minh Tông và Hiến Tông được người đời khen là cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Có lần để thử Mạc Đĩnh Chi, vua Minh Tông nửa đêm sai người bí mật đem đặt mười quan tiền trước cửa nhà ông. Tờ mờ sáng hôm sau, sau khi thức dậy ngồi uống trà và đọc sách, ông rảo bước ra sân thì thấy những đồng tiền đó. Ông hỏi láng giềng chung quanh có ai đánh rơi thì đến nhận lại. Không ai nhận cả.

Khi vào chầu, ông đem số tiền nhặt được tâu với nhà vua và nộp vào công quỹ. Nhà vua lắc đầu:

- Nếu không có ai nhận, mà tiền lại ngay trước cửa nhà khanh thì đó là tiền của khanh. Vậy việc gì phải nộp vào công quỹ?

Ông khẳng khái:

- Tâu bệ hạ, nếu thần đổ công sức thì đó mới là tiền của thần. Bổng dung có được số tiền lớn này, không phải do lao động cật lực mà có thì thần không dám nhận.

Đức tính thanh liêm ấy của ông được người đời khen ngợi mãi. Dù làm quan cao, chức trọng nhưng ông vẫn sống bình dị. Không chỉ là vị quan thanh liêm, Mạc Đĩnh Chi còn nổi tiếng về đối đáp ngoại giao giỏi. Khoảng năm 1314, ông được cử làm Chánh sứ đi sang Trung Quốc. Khi khởi hành đã có công văn thông báo, hẹn ngày để quân Tàu

mở cửa ải nghinh tiếp. Nhưng vì thời tiết xấu, phái đoàn ta không đến đúng hẹn, vài ngày sau mới đến nơi thì quân Tàu đóng cửa ải không cho vào. Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi phải khẩn cầu mãi, cuối cùng quan coi cửa ải ra điều kiện: nếu đối được một câu đối thì sẽ mở cửa cho qua, bằng không thì... quay lui! Mạc Đĩnh Chi chấp thuận. Quan coi cửa ải đọc:

- *Quá quan trì, quan quan bế, nguyện quá khách quá quan;*  
(Qua cửa quan chậm, cửa quan đóng, mời khách qua đường qua cửa quan).

Oái oăm của câu đối này là chỉ 11 chữ mà có đến 4 chữ “quan” lại nói đúng hoàn cảnh lúc bấy giờ. Không ngờ, khi họ vừa dứt lời thì Mạc Đĩnh Chi đối lại ngay:

- *Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối.*  
(Ra câu đối dễ, đối câu đối khó, xin tiên sinh đối trước).

Câu đối lại cũng đủ 4 chữ “đối” và cũng phù hợp với hoàn cảnh lúc bấy giờ khiến quan Tàu phải cúi đầu khâm phục cho tài mẫn tiệp, đối đáp khôn khéo của quan Trạng nước ta. Cửa ải liền được mở rộng cho đoàn sứ bộ nước ta đi qua. Trong thời gian ở kinh đô Trung Quốc, có lần ông đến phủ Tể tướng nhà Nguyên, thấy trên tường có bức trướng thêu con chim sẻ đậu trên cành trúc, nghệ thuật thêu đạt đến mức hoàn hảo nhìn như thật. Mạc Đĩnh Chi cũng tưởng nhầm nên đưa tay lên định bắt khiến mọi người cười òa chế giễu. Không một chút nao núng, ông liền cầm bức trướng ấy ném xuống đất, nói:

- Tôi nghe người ta thường vẽ chim sẻ đậu cành mai, chứ không thấy vẽ chim sẻ đậu cành trúc. Hỡi ôi! Chim sẻ là tiểu nhân, cành trúc là quân tử, tại sao lại cho tiểu nhân ở trên quân tử? Tôi sợ đạo tiểu nhân ngày một thịnh, đạo quân tử ngày một suy nên vì thánh triều mà trừ bỏ điều xấu ấy đi!

Tể tướng nhà Nguyên biết ông chữa then, nhưng cũng phục tài biện bác rất chí lý ấy nên không nổi giận. Đến khi vào châu Nguyên Thế Tổ, nhân sứ thần các nước dâng cái quạt, vua Nguyên cho các sứ

thi tài với nhau: đề tài là “Phiến minh” để vịnh cái quạt. Một tiếng trống giống giả vang lên, ông chưa kịp suy nghĩ thì đã thấy sứ thần Cao Ly cầm cúi viết (dịch ý):

*- Khi nóng bức thì quạt đắc dụng như Y Doãn, Chu Công,  
Khi mùa đông giá rét thì quạt xếp xó như Bá Di, Thúc Tề.*

Mạc Đĩnh Chi nhanh trí triển khai tứ thơ đó thành bài thơ tuyệt hay (dịch ý):

*- Lúc chảy vàng nung đá, trời đất nóng như lò lửa thì lúc ấy chiếc  
quạt như Y Chu được đắc dụng,  
Khi gió rét lạnh lẽo, mưa tuyết ngập đường thì quạt nào khác gì Bá  
Di, Thúc Tề chết đói trên núi Thử Dương mà không ai biết đến.  
Than ôi! Ai dùng thì làm, không dùng thì để đó,  
Chỉ có ta với người là vậy.*

Với bài thơ này, vua Nguyên phải khâm phục mà phong cho ông làm “Lưỡng quốc Trạng nguyên” (Trạng nguyên của hai nước). Tiếng tăm của Mạc Đĩnh Chi càng lừng lẫy nhưng cũng khiến cho nhiều quan Tàu tỏ ý ghen ghét. Gặp lúc nàng công chúa yêu của vua qua đời. Vua Nguyên vời ông vào đọc văn tế. Khi các quan đưa cho ông tờ văn tế, điều hiểm hóc khó hiểu là trên đó chỉ có bốn chữ “nhất”. Biết người ta thử tài mình, ông ứng khẩu đọc ngay (dịch):

*Trời xanh một đám mây  
Lò hồng một giọt tuyết  
Vườn thượng uyển một cành hoa  
Cung quảng hàn một vầng nguyệt  
Than ôi! Mây tán! Tuyết tiêu!  
Hoa tàn! Trăng khuyết!*

Ai nghe cũng phải khen là hay. Bốn câu trên câu nào cũng có chữ “nhất” ví dung nhan người đã mất, hai câu sau tỏ ý khóc than thương tiếc!

Tương truyền trong thời gian ở Trung Quốc, nhiều quan Tàu đã thử tài với ông. Có lần quan Tàu ra câu:

*-Vy, ly, vông, lượng, tứ tiểu quý;*

(Quý Vy, quý Ly, quý Vông, quý Lượng là bốn thàng tiểu quý);

Vì bốn chữ này đều có một chữ quý đứng bên, ngụ ý chê ông xấu như quý. Không ngờ, Trạng đối ngay:

*- Cầm, sắt, tì, bà bát đại vương.*

(Đàn cầm, đàn sắt, đàn tì, đàn Bà là tám vị đại vương).

Bốn chữ này mỗi chữ đều có hai chữ vương, ông ngụ ý mình chẳng hèn kém, cũng bậc đại vương. Nghe câu đối của ông, quan Tàu phải chịu là ứng đối giỏi. Để chê bai giọng nói của người nước ta, quan Tàu lại ra câu đối:

*- Quích tập chi đầu đàm Lỗ Luận: tri tri vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri;*

(Chim đậu đầu cành đọc sách Lỗ Luận, biết thì bảo là biết, chẳng biết bảo chẳng biết, ấy là biết đó);

Câu này chơi âm “tri tri” để chỉ tiếng nói của ta riu rít như chim. Mạc Đĩnh Chi cũng không phải tay vừa, ông đối ngay:

*- Oa minh trì thượng độc Châu Thư: lạc dữ độc lạc nhạc, lạc dữ chúng lạc nhạc, thực lạc.*

(Chầu chuộc trên ao đọc sách Châu Thư: cùng ít người vui nhạc, cùng nhiều người vui nhạc, đằng nào vui hơn).

Ở đây, ông Trạng của ta đã dùng âm “lạc nhạc” để nhạo lại người Tàu nói ồm ộp như chầu chuộc! Tài trí của ông khiến quan Tàu nề phục, phải từ bỏ ý định thử tài. Có lần, ông cười lừa đi ngắm cảnh trong kinh thành. Đang nghênh ngang đi và ngắm nhìn cảnh vật, ngờ đâu chạm phải quan Tàu cười ngửa đi phía trước. Người này bực mình quay lại quát một câu láo xược:

*- Xúc ngã kê mã, Đông di chi nhân dã, Tây di chi nhân dã?*

(Chạm ngựa ta đi là người rợ phương Đông hay là người rợ phương Tây?)

Với câu hỏi xác xược, lấy ở sách Mạnh Tử hai chữ “Đông di” để chỉ người mọi rợ, Mạc Đĩnh Chi bực mình, đáp lại thẳng thắn:

- *Át dư thừa lư, Nam Phương chi cường dư, Bắc phương chi cường dư?*

(Ngăn lừa ta cười, hỏi người phương Nam mạnh hay người phương Bắc mạnh?)

Quan Tàu tái mặt bởi Mạc Đĩnh Chi đã lấy hai chữ “Nam phương” trong sách Trung Dung - lời lẽ ngang tàng ý bảo chưa chắc người phương Bắc mạnh hơn phương Nam! Thái độ của ông Trạng nước ta thật rạch ròi và cứng cỏi. Trong đời mình, Mạc Đĩnh Chi hai lần đi sứ, nhưng lần nào ông cũng đối đáp thông minh, lịch thiệp khiến người phương Bắc phải kính nể. Có lần vua Nguyên muốn thăm dò khí tiết của ông bèn ra câu đối:

- *Nhật hỏa, vân yên, bạch đán thiêu tàn ngọc thổ;*

(Mặt trời là lửa, mây là khói, ban ngày đốt cháy vàng trắng).

Vua Nguyên tự kiêu ví mình là mặt trời, coi nước ta như vàng trắng, ban ngày nhất định phải bị mặt trời thôn tính! Không một chút nao núng, ông đối lại chan chát từng câu từng chữ:

- *Nguyệt cung, tinh đạn, hoàng hôn xạ lạc kim ô.*

(Trăng là cung, sao là đạn, chiều tối bắn rơi mặt trời).

Vua Nguyên ra câu đối đã giỏi, nhưng người đối lại còn giỏi hơn bội phần. Mỗi câu đều ăn miếng trả miếng cực kỳ chính xác khiến vua Nguyên rất đau, nhưng không có cách gì bắt bẻ được! Sau khi đi sứ về, Mạc Đĩnh Chi được thăng chức Tả bộc xạ (tương đương với Thượng thư), thời gian này (1313) ông đã chỉ đạo việc xây dựng lại quy mô chùa Dâu ở Thuận Thành. Vua Trần Anh Tông tôn trọng ông thường gọi là Tiết Phu, chứ không gọi tên. Dù ngất ngưỡng trên danh vọng, nhưng ông vẫn liêm khiết, ăn mặc thường giản dị. Có lần vua ái ngại hỏi:

- Trẫm nghe nhà Trạng túng, nếu có thiếu gì thì cứ nói, trẫm sẽ tư cấp thêm.

Mạc Đĩnh Chi cúi đầu tâu:

- Hạ thần trên nhờ ơn vua dưới nhờ lộc nước, vợ con không phải đói rét là may, đâu dám cầu vinh thân phì gia để thêm mang tội.

## HÔI THỨ TƯ

Tuổi bảy mươi, cáo lão về quan :  
Đó sáu đồng, trở người làm phúc.

Trạng Đình-Chi xây dựng xong chùa, cầu và tháp ; tháng ngày thắm-thoát, tuổi đã bảy mươi. Bấy giờ vào khoảng năm Khai-hựu thứ 10, đời vua Trần Hiến-tôn (1339), thiên-hạ thái-bình, quốc-gia nhân-hạ ; Trạng Đình-Chi bèn dâng sớ xin về hưu-trí.

Vua Hiến-tôn nghĩ Trạng là bậc quốc-lão nguyên-huân, lại là thầy dạy học, không muốn để xa cách bên mình. Nhưng Đình-Chi cố xin, vua bất-dắc-dĩ phải chuẩn sớ, rồi gia tặng Hầu-tước, thưởng tứ rất nhiều. Lại sai Trung-sứ tiễn về đến tận làng, các quan văn, võ trong triều đến tiễn hành, ai cũng tỏ tình ái-mộ.

Trạng Đình-Chi về làng, dựng am ở dưới núi Phụng-hoàng (thuộc huyện Chí-linh) ngày ngày uống rượu ngâm thơ tiêu-khien. Thơ của Trạng Đình-Chi di-truyền lại rất nhiều, toàn là văn tuyệt bút, tiếc rằng biên tập không được khắp, chỉ có ít bài chép trong bộ «Hoàng-việt văn-tuyền». Xin biên dịch ra như sau này:

## 10 — Cảm hứng cảnh ban chiều.

空翠浮烟色 春蓝潋水纹  
Không thủy phù yên sắc; Xuân lam phát thủy vân.

墙乌暗落照 野雁送归云  
Trường ô đề lạc chiếu: Già nhạn tống qui vân.

渔火前村见 樵歌隔岸闻  
Ngư hỏa tiền loan hiện; Tiều ca cách ngạn văn.

旅颜愁冷落 酒作微醺  
Lữ nhan sầu lãnh lạc; Tá tửu tác vi huân.

Một trang trong tác phẩm Thuyết Mạc viết về  
Mạc Đình Chi của Đình Gia Thuyết in năm 1925

kính thầy. Thí bản tác phúc. Ăn cơm phải bữa. Ai đói thì cho. Bớt miệng xui lòng. Mỗi người một chút. Kim cương thường đọc. Bố thí làm duyên..." mà nay đọc lại vẫn còn thấy đúng. Năm 1339, Mạc Đình Chi dâng sớ xin về hưu trí. Vua Trần Hiến Tôn xem ông là quốc lão nguyên huân lại là thầy dạy học nên năn nỉ ông ở lại, nhưng ông vẫn cố xin. Bất đắc dĩ, vua phải chấp thuận. Lại sai người đưa về đến tận làng và gia tặng Hầu tước. Về quê, Mạc Đình Chi dựng am ở núi Phụng Hoàng (Chí Linh) ngày ngày vui thú điền viên, dạo chơi danh lam thắng cảnh, lấy chữ nhàn làm vui. Trong đời mình, Mạc Đình Chi làm nhiều thơ nhưng nay hầu hết đều thất lạc. Ngoài *Ngọc tỉnh liên phú*, nay chỉ còn

Xin bề hạ đừng thương hạ thần nghèo, chỉ xin thương lấy muôn dân, giữ nghiệp tổ tông, sửa sang chính trị, khiến lũ hạ thần được làm hết chức trách bày tôi, đó là ước nguyện của hạ thần. Ước nguyện ấy thực hiện được thì hạ thần dẫu áo vải cơm rau cũng là đủ. Nếu ước nguyện ấy không được thực hiện thì hạ thần dẫu mỹ vị cao lương, áo quần gấm vóc, ngựa xe trăm cỗ, nô bộc ngàn người thì cũng là thiếu. Cúi xin bề hạ xét cho!

Trong đời thường, Mạc Đình Chi đã sống đúng như thế. Tương truyền ông có viết Giáo tử phú (bài phú dạy con): "Miễn được an nhàn. Trọng pháp



Bia thờ Mạc Đình Chi mới phát hiện tại xã Thanh Quang, huyện Nam Sách (Hải Dương)

lại bốn bài thơ truyền lại cho đời sau. Qua những thi phẩm này, chúng ta thấy được khí tiết cao đẹp của ông. Khi nói Đào Tiềm không vì “đấu gạo phải khom lưng” thì chính ông cũng bộc lộ tư tưởng:

*Nhàn khoáng ấy tính trời  
So đâu kẻ đua đòi  
Gãy lưng vì đấu gạo  
Treo ấn bỏ quan thôi  
Đạm bạc, cúc một giậu  
Lúa thừa, liễu dăm chồi  
Nghìn năm sau mờ mịt  
Danh tiếng cảm đến tôi*

(Huệ Chi dịch)

Mạc Đình Chi mất năm 1346 dưới đời vua Trần Dụ Tôn. Vua thương tiếc sai các quan về dụ tế, lại truy tặng làm phúc thần, cấp tiền cho dân sở tại dựng đền thờ tại Lũng Động nay là Long Động, xã Nam Tân, huyện Nam Thanh, Hải Dương.

# NGUYỄN BÁ LÂN

*“Ngự sử đức tài xứng kỳ chức”*

Dòng sông Hồng cuộn cuộn sóng. Trời về chiều. Một chiếc đò chở hai cha con ông Nguyễn Công Hoàn đang xuôi về làng Cổ Đô - nơi nổi tiếng về nghề dệt lụa mà ca dao còn ghi *“Chính tông lụa cống các cô ưa dùng”*. Nhìn về bên kia sông, thấy đàn dê đang đi nhón nhợ, ông Hoàn bảo với cậu con trai:

- Này! Con có thấy gì không? Cha ra bài phú <sup>(1)</sup> với đầu đề là *“Dịch đình dương xa phú”* (Bài phú xe dê cung cấm). Nếu sang bờ bên kia, cha làm xong trước mà con chưa xong thì cha sẽ ném con xuống sông; còn nếu con làm xong trước thì con cứ việc xô cha xuống sông. Cha không trách con đâu!

Nghe cha nói thế, cậu con trai ậm ừ gật đầu. Hơn ai hết cậu biết tính nghiêm khắc của cha. Dù vậy, cậu cũng cố nhắm trong đầu cho xong bài phú. Khi chiếc đò cập bến, cậu đã làm xong bài phú, nhưng cha cậu chỉ mới làm một nửa. Chẳng lẽ phải xô cha xuống sông sao? Nghĩ vậy, cậu ngần ngừ không dám đọc. Đến khi người cha làm xong bài phú thấy con về mặt đầm chiều, tưởng cậu chưa làm xong liền đánh

---

<sup>(1)</sup> *Phú*: Một thể văn có vần hoặc xen lẫn vần và văn xuôi của Trung Quốc và Việt Nam để tả phong cảnh, kể sự việc, bàn chuyện đời... Trong ba loại “phú, tỷ, hứng” thì phú là phổ biến, là miêu tả trực tiếp chứ không qua so sánh, liên tưởng như tỷ, hứng. Kinh thi viết: “Phú là phô bày thẳng sự thực”. Có hai loại phú: phú cổ thể làm theo lối văn biến ngẫu (biến phú) hoặc như một bài văn xuôi có vần (phú lưu thủy) và phú cận thể hay phú Đường luật. Ở Trung Quốc, phú nảy mầm cuối đời Chiến quốc, định hình và thịnh hành đời nhà Hán với các tác giả như Giả Nghị, Tư Mã Tương Như... Ở Việt Nam từ đời nhà Lý đã có phú. Nhưng chỉ còn truyền lại những bài phú từ các đời Trần - Hồ về sau. (Xem *Từ điển văn học* - NXB Khoa học Xã hội 1984, trang 227)

cho một trận. Cậu con trai đành phải nói ra và đọc cho cha nghe. Bài phú của cậu nổi tiếng đến nỗi mà sau này người ta truyền tụng là “Bài phú hoàn thành trên một chuyến đò ngang”. Thế là người cha tự nhảy luôn xuống sông, tự boi vào như đã giao hẹn trước với con trai. Tính tình của ông Hoàn là vậy. Dù học giỏi, văn hay chữ tốt, nhưng nhiều lần thi trượt nên ông dồn hết tâm trí để rèn cặp cho con với thái độ nghiêm khắc. Ngay cả vợ ông cũng chia xẻ với suy nghĩ của chồng và từng dặn dò cậu con trai:



*Bia tiến sĩ thượng thư Nguyễn Bá Lân (1700-1785)  
tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội)*

- Ta là đàn bà không hiểu văn chương nông sâu ra sao, chỉ biết ông nội dạy cha con đến thành danh. Những gì là sở trường trong lòng cụ truyền hết cho đấy, nhưng do học lực chuyên cần hay nói lỏng mà kết quả sự nghiệp cũng khác. Thế mới biết, trời không phụ công người chăm đọc sách. Lời ngạn ngữ từ xưa không phải nói ngoa, vả lại ta thấy cha con từ sau khi đỗ thi Hương thì ngày đêm làm bạn với đèn sách, thế mà liên tiếp đi thi còn chưa thể tranh được đầu bảng, không rõ các vị đỗ đầu bảng họ còn chăm chỉ đến thế nào? Con nên kịp thời lo việc học hành gắng sức cho công phu, chớ mê mải chuyện khác, đừng thấy mình còn kém mà thoái lui, đừng thấy đã khá mà tự cao, mục tiêu lớn hay nhỏ cũng phải gắng công giành lấy. Cửa trời tuy rộng mở nhưng chưa chắc ai cũng tới được. Cứ phải gắng lên như đào giếng sắp tới mạch, đắp núi đã gần xong, con người phải gắng lên cho tới đích. Nếu chẳng được làm quan trong triều thì cũng làm thầy dạy học, như vậy cũng trả được món nợ của người đi học, mà tiếng nhà không mai một, con còn trẻ hãy ghi nhớ lời ta!

Những lời mẹ dạy đã khiến cậu ghi nhớ nằm lòng. Rồi lần nọ, hai cha con cùng thi nhau học kinh sử, ông Hoàn bảo vợ đặt cây roi mây bên cạnh bàn học và bảo với con:

- Mày ngủ gục thì tao đánh mày, tao ngủ quên thì mày đánh tao.

Với lời giao ước như thế nên cậu con trai chăm chú học. Đêm đã khuya. Ngoài vườn hoa ngọc lan dịu dịu hương thơm, tiếng dế kêu rả rích... Hai mắt nặng trĩu nhưng cậu vẫn không dám chớp mắt. Lát sau, nhìn sang, bên cạnh thì đã thấy cha úp mặt vào trang sách ngáy khò khò. Thấy cha mệt mà ngủ quên đi, cậu không dám cầm roi đánh cha mà chỉ khẽ lay cha dậy. Ông Hoàn giật mình tỉnh giấc liền quát:

- Ô hay! Sao mày không đánh cho tao dậy ngay? Mày muốn hại tao à?

Nói xong, lấy roi phết vào mông cậu mấy roi đau điếng. Thế là cậu cũng tỉnh ngủ hẳn và ngồi học cùng cha cho đến rạng sáng. Lại một lần khác, hai cha con thi tập làm văn, ông Hoàn bảo:

- Tao làm hơn mày thì tao ăn cơm, mày nhịn; mày làm hơn tao thì tao nhịn, mày ăn cơm.

Cũng như mọi lần, cậu con làm hay hơn, nhanh hơn, thế là ông bố cương quyết nhịn ăn để nhường suất cơm đó cho con. Chưa hết, biết tuổi của con còn ham chơi hơn ham học nên có lần ông Hoàn đưa cậu trên một cái chòi, dưới cấm chông và bỏ thang để không còn đường leo xuống. Bao giờ học xong thì ông mới cho xuống. Học kiểu này thì khổ quá, cậu con trai tinh nghịch nghĩ ra một cái mẹo khôn ngoan. Một tối, trước khi lên chòi ngồi học, cậu lén mang theo khúc cây chuối. Giữa khuya, lúc cả nhà sắp đi ngủ, bỗng nghe “rầm” ở ngay bãi chông. Cả nhà hoảng hốt chạy ra, người lo lắng đầu tiên là ông Hoàn, ông kêu lên hoảng hốt:

- Thế là nhà ta mất một tiến sĩ rồi!

Nhưng khi đến nơi chỉ thấy thân cây chuối, còn cậu con trai vẫn ung dung ngồi học bài ở phía trên, bây giờ ông mới hoàn hồn. Nhưng không vì thế mà ông bỏ cái lệ này. Có giai thoại kể lại rằng, cách rèn